Phụ lục I

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

2. Phường Trấn Biên

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
1	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Rạch Cát	Cầu Ghềnh	1.500	970
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			860	570
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
8	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	1.500	970
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
15	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Ngô Thì Nhậm	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
22	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Võ Trường Toản	1.500	970
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
29	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Ngã ba Gạc Nai	1.500	970
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	≤400m.				
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
36	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Ngã ba Gạc Nai	Giáp ranh phường Tân Triều	1.500	970
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	1.500	970
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
50	Đường Võ Trường Toản	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Giáp ranh phường Tân Triều	1.500	970
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
57	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Hết Văn Miếu Trấn Biên	1.500	970
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
64	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ)	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
71	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bến đò trạm 1	1.500	970
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
78	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã ba mũi tàu	Đường Nguyễn Văn Trị	1.500	970
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
85	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	1.500	970
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
92	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	1.500	970
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
99	Đường Hồ Văn Đại	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	1.500	970
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
106	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Ái Quốc	1.500	970
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
113	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Ái Quốc	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
120	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Hóa An	Hết ranh giới phường Trấn Biên	1.500	970
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
127	Đường 30 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã năm Biên Hùng	1.500	970
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
134	Đường 30 tháng 4	Ngã năm Biên Hùng	Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông	1.500	970
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
141	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	1.500	970
142	Đường Nguyễn Văn Trị	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Đường Phan Chu Trinh	1.500	970
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
149	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	1.500	970
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
156	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	1.500	970
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
163	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Phan Đình Phùng	Ngã năm Biên Hùng	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
170	Đường Hưng Đạo Vương	Ngã năm Biên Hùng	Ga Biên Hòa	1.500	970
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
177	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	1.500	970
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
184	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	1.500	970
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
191	Đường Phan Chu Trinh	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Đình Phùng	1.500	970
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
198	Đường Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	1.500	970
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
205	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Nguyễn Văn Trị	1.500	970
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
212	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	1.500	970
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
219	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Trãi	1.500	970
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
222	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
225	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
226	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
229	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
232	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
233	Đường Quang Trung	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	1.500	970
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
236	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
239	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
240	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Thánh Tôn	1.500	970
241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
243	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
246	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
247	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	1.500	970
248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
250	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
253	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
254	Đường Nguyễn Văn Nghĩa	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	1.500	970
255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
257	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
260	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
261	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	1.500	970
262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
264	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
267	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
268	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Rạch Cát	Đường Võ Thị Sáu	1.500	970
269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
271	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
274	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
275	Đường Hà Huy Giáp	Đường Võ Thị Sáu	Ngã năm Biên Hùng	1.500	970
276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
278	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
281	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
282	Đường Nguyễn Thành Đồng	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái	1.500	970
283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
285	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
288	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
289	Đường Nguyễn Thành Phương	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
			1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái		
290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
292	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
295	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
296	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hà Huy Giáp	1.500	970
297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
299	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
302	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
303	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Giáp	Đường Phạm Văn Thuận	1.500	970
304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
306	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
309	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
310	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	1.500	970
311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
313	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
316	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
317	Đường Lữ Mành	Đường Cách Mạng Tháng	Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
		8 (Trường mầm non Thanh Bình)	Chi cục Thuế Biên Hòa)		
318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
320	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
323	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
324	Đường Lữ Mành	Đường Trần Minh Trí	Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành	1.500	970
325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
327	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
330	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
331	Đường Trần Minh Trí	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	1.500	970
332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
334	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
337	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
338	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Hết ranh giới phường Trấn Biên	1.500	970
339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
341	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
344	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
345	Đường Đặng Đại Độ	Đường Nguyễn Tri	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
		Phương	(chiều dài 630m giáp bờ sông)		
346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
348	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
351	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
352	Đường Đặng Đại Độ	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	Đường Đặng Văn Trơn	1.500	970
353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
355	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
358	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
359	Đường Nguyễn Văn Hoa	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Võ Thị Sáu	1.500	970
360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
362	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
365	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
366	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Võ Thị Sáu	Ranh phường Trấn Biên	1.500	970
367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
369	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
372	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
373	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa			1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
376	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
379	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa (đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
380	Đường Đỗ Văn Thi	Đường Đặng Đại Độ	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn	1.500	970
381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
383	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
386	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
387	Đường Đỗ Văn Thi	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn)	Sông Cái	1.500	970
388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
390	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
393	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn) đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
394	Đường Đặng Văn Trơn	Đường Đỗ Văn Thi	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
397	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
400	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
401	Đường Đặng Văn Trơn	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Sông Cái	1.500	970
402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
404	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
407	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
408	Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp ROCONCO)	Đường Trần Quốc Toản	Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
411	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
414	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
415	Đường D10 (khu dân cư D2D	Đường Võ Thị Sáu	Đường N1 khu dân cư D2D	1.500	970
416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
418	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
421	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
422	Đường D9 (khu dân cư D2D)	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái	1.500	970
423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
425	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
428	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
429	Đường N1 (khu dân cư D2D)	Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
			ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205		
430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
432	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
435	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
436	Đường Trần Công An	Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa)	Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm)	1.500	970
437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
439	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
442	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
443	Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1)	Cầu An Hảo	Xa lộ Hà Nội	1.500	970
444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
446	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
449	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
450	Đường Trần Quốc Toản	Đường Vũ Hồng Phô	Cầu Ông Gia	1.500	970
451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
453	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
456	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
457	Đường Trần Quốc Toản	Cầu Ông Gia	Đường Lê Văn Duyệt	1.500	970
458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
460	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
463	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
464	Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai)	Đường Lê Văn Duyệt	Xa lộ Hà Nội	1.500	970
465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
467	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
470	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
471	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	Đường Trần Quốc Toản	Đường N9 (Khu dân cư An Bình)	1.500	970
472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
474	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
477	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
478	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Trần Quốc Toản	Xa lộ Hà Nội	1.500	970
479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
481	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
484	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
485	Đường Nguyễn Thông	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Vũ Hồng Phô	1.500	970
486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
488	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				
489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
491	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
492	Xa lộ Hà Nội	Vòng xoay Tam Hiệp	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	1.500	970
493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
495	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
498	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
499	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Vòng xoay Tam Hiệp	Quốc lộ 51	1.500	970
500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
502	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
505	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
506	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long)	1.500	970
507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
509	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
512	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
513	Đường N4	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88,	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
			tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên		
514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
516	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
519	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
520	Đường 10	Đường Nguyễn Du	Đường D5 (khu dân cư Bửu Long)	1.500	970
521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
523	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
526	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
527	Đường Võ Thị Tám	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
			trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66		
528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
530	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
533	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
534	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8			1.500	970
535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
537	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
540	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
541	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Trần Quốc Toản	1.500	970
542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
544	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				
546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
547	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
548	Đường Trần Thị Hoa	Đường Nguyễn Thông	Đường Nguyễn Quốc Toản	1.500	970
549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
551	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
554	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông			670	450

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	>600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.				
555	Đường ven sông Đồng Nai	Cầu Hóa An	Giáp ranh phường Tân Triều	1.500	970
556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
558	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
561	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
562	Đường trục trung tâm	Đường Võ Thị Sáu	Đường Đặng Văn Trơn	1.500	970
563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
568	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
569	Đường ven sông Cái	Đường Hà Huy Giáp	Đường Trần Quốc Toản	1.500	970

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			860	570
572	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			670	450
573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1.030	680
574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			860	570

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				
575	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			670	450
576	Đường D9	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Hoa	1.500	970
577	Đường Nguyễn Hiền Vương	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	1.500	970
578	Đường Nguyễn Thị Giang	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	1.500	970